

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KTT KHÓA 14, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Vũ Thị Quỳnh Anh	1	61	7,5	Bảy rưỡi	
2	Bùi Thị Tú Anh	2	59	7,0	Bảy	
3	Trần Tuấn Anh	3	-	-	-	Vắng thi
4	Lê Thị Vân Anh	4	30	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	5	25	7,0	Bảy	
6	Phạm Thị Châm	6	39	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Thùy Chi	7	42	7,5	Bảy rưỡi	
8	Triệu Văn Chính	8	34	7,0	Bảy	
9	Nguyễn Văn Công	9	12	7,0	Bảy	
10	Vũ Mạnh Cường	10	76	7,0	Bảy	
11	Hoàng Đức Dân	11	80	7,5	Bảy rưỡi	
12	Trần Văn Diện	12	21	6,5	Sáu rưỡi	
13	Đào Văn Doanh	13	75	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Văn Dũng	14	35	7,0	Bảy	
15	Nguyễn Văn Duy	15	56	7,0	Bảy	
16	Chu Thị Duyên	16	01	8,0	Tám	
17	Hoàng Công Định	17	60	7,0	Bảy	
18	Phạm Thị Định	18	24	7,5	Bảy rưỡi	
19	Hoàng Văn Giang	19	37	7,0	Bảy	
20	Hoàng Mai Giang	20	33	7,0	Bảy	
21	Chu Thị Thanh Giang	21	27	7,5	Bảy rưỡi	
22	Đỗ Thị Hạnh	22	16	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hạnh	23	64	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đàm Thị Hằng	24	52	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Hào	25	31	7,5	Bảy rưỡi	
26	Phan Thị Hiền	26	17	7,0	Bảy	
27	Dương Thị Hiệp	27	09	7,5	Bảy rưỡi	
28	Trần Trung Hiếu	28	04	8,0	Tám	
29	Lê Thị Quế Hoa	29	46	8,0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Hoa	30	71	7,0	Bảy	
31	Nguyễn Thị Hồng	31	-	-	-	Vắng thi
32	Nguyễn Thị Hoa Hồng	32	19	7,0	Bảy	
33	Trần Thị Huệ	33	-	-	-	Vắng thi
34	Đàm Thị Thu Huệ	34	65	7,0	Bảy	
35	Nguyễn Tiến Hùng	35	-	-	-	Vắng thi
36	Hoàng Thị Thu Hương	36	-	-	-	Vắng thi
37	Lê Lan Hương	37	02	8,0	Tám	
38	Lương Thị Thu Hương	38	79	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Hương	39	48	7,5	Bảy rưỡi	
40	Trần Duy Hường	40	74	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Hạnh Huyền	41	23	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Huyền	42	55	7,0	Bảy	
43	Đặng Văn Lân	43	10	7,0	Bảy	
44	Bùi Thị Hồng Lê	44	05	7,0	Bảy	
45	Trần Thị Liên	45	40	7,5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Hồng Linh	46	38	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Mỹ Linh	47	13	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lê Thị Ngọc Linh	48	28	7,0	Bảy	
49	Trương Thị Loan	49	08	7,0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Triệu Loan	50	43	8,0	Tám	
51	Hoàng Thị Thu Loan	51	36	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Dương Thị Khánh Ly	52	47	7,5	Bảy rưỡi	
53	Dương Thị Lý	53	11	7,5	Bảy rưỡi	
54	Lê Thị Mến	54	54	7,0	Bảy	
55	Lê Minh	55	51	7,0	Bảy	
56	Đặng Quang Minh	56	29	7,0	Bảy	
57	Phạm Phương Nam	57	45	7,0	Bảy	
58	Đào Thị Nga	58	53	7,0	Bảy	
59	Đinh Thị Ngân	59	73	7,5	Bảy rưỡi	
60	Lê Bảo Ngọc	60	18	7,0	Bảy	
61	Lương Thị Nhàn	61	07	7,0	Bảy	
62	Lương Thị Oanh	62	-	-	-	Vắng thi
63	Nguyễn Thị Lệ Quyên	63	68	7,0	Bảy	
64	Triệu Văn Quyển	64	-	-	-	Vắng thi
65	Nông Thị Quỳnh	65	58	7,5	Bảy rưỡi	
66	Tạ Quang Thắng	66	78	7,5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Phương Thảo	67	14	7,0	Bảy	
68	Hà Thị Thuận	68	06	7,5	Bảy rưỡi	
69	Phan Văn Thịnh	69	50	7,5	Bảy rưỡi	
70	Phạm Thị Thơ	70	57	7,5	Bảy rưỡi	
71	Trần Thị Thương	71	22	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Phương Thùy	72	77	7,5	Bảy rưỡi	
73	Chu Thanh Thủy	73	49	8,0	Tám	
74	Lê Thị Chung Thủy	74	20	7,0	Bảy	
75	Phạm Thị Toàn	75	63	7,5	Bảy rưỡi	
76	Đỗ Huy Trinh	76	41	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Thùy Trinh	77	03	8,0	Tám	
78	Vũ Văn Trung	78	62	7,5	Bảy rưỡi	
79	Đỗ Huy Trường	79	32	7,0	Bảy	
80	Triệu Văn Tuấn	80	66	7,0	Bảy	
81	Nguyễn Thị Tươi	81	-	-	-	Vắng thi

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
82	Trần Văn Tuyên	82	70	7,0	Bảy	
83	Đào Văn Ước	83	44	7,0	Bảy	
84	Trịnh Hồng Uyên	84	72	7,5	Bảy rưỡi	
85	Nguyễn Hồng Vân	85	67	7,5	Bảy rưỡi	
86	Nguyễn Xuân Vinh	86	26	7,0	Bảy	
87	Trần Văn Vịnh	87	69	7,0	Bảy	
88	Dương Thị Hải Yến	88	15	7,5	Bảy rưỡi	

TÊN

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hùng

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên